

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 81/2025/HS-PT

Ngày: 08 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 255/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Trần Vinh Q. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Vinh Q, giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1950 Tại: Tỉnh Đồng Nai; HKTT: C M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Ngày 05/9/2002 đã xóa khẩu); Nơi ở hiện tại: S3.02.0309 Chung cư V, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là S Chung cư V, Phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: Đại học; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty P1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Ngọc A (đã chết); có vợ (Đã ly hôn) và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

23/8/2023 đến ngày 01/9/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn Thanh L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2003, Trần Vinh Q là Giám đốc Công ty P1 (theo Quyết định số 293/QĐ-UB-TCCQ ngày 07/9/2000 của Ủy ban nhân dân Quận P1 về việc cử ông Trần Vinh Q tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Công ty P1) đã yêu cầu thủ quỹ công ty là Trần Hữu H1 giao tiền quỹ của công ty cho Q ba lần, tổng số tiền là 425.000.000 đồng, với lý do cần tiền mặt để làm thủ tục xin phá sản cho Công ty P1 (gọi tắt là Công ty P1). Sau đó, Trần Hữu H1 nhiều lần đề nghị Trần Vinh Q trả lại số tiền trên nhưng Q không trả.

Tháng 4/2003, Kế toán trưởng Nguyễn Thị N biết được Giám đốc Trần Vinh Q đã mượn 425.000.000 đồng tiền quỹ của công ty sử dụng vào mục đích cá nhân qua trao đổi với Trần Hữu H1 nên báo cáo với ông Vương Văn H2, Bí thư Chi bộ Công ty P1 nội dung sự việc để thuyết phục Quan trả lại tiền cho công ty. Tháng 9/2003, Vương Văn H2 cùng Nguyễn Thị N đã yêu cầu Quan trả lại tiền cho công ty và được Q hứa đến tháng 12/2003 sẽ trả lại số tiền trên. Ngày 31/12/2003, sau khi kiểm tra quỹ tiền mặt của công ty, nhận thấy quỹ tiền mặt chỉ còn tồn 65.441.262 đồng nhưng N vẫn ký xác nhận trên Sổ quỹ tiền mặt số tiền quỹ còn tồn là 490.441.262 đồng, đồng thời N báo cáo với Bí thư Chi bộ Vương Văn H2 việc Q vẫn chưa trả số tiền trên cho Công ty. Ngày 29/01/2004, Vương Văn H2 đã thay mặt Công ty ký báo cáo khẩn gửi Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận P1 (P1) về việc thiếu hụt quỹ tiền mặt tại Công ty P1.

Ngày 10/02/2004, P1 có Quyết định thanh tra số 204/QĐ-UB về việc thanh tra tài chính tại Công ty P1. Ngày 13/2/2004, Đoàn Thanh tra Q2 có Công văn số 13/TTr yêu cầu Trần Vinh Q giải trình và hoàn trả lại số tiền 425.000.000 đồng. Ngày 17/2/2004, trong văn bản giải trình gửi cho Đoàn thanh tra Quận A, Trần Vinh Q đã thừa nhận việc mượn quỹ công ty số tiền 425.000.000 đồng để sử dụng cho cá nhân và cam đoan cuối tháng 02/2004 sẽ hoàn trả lại một lần đầy đủ số tiền trên. Tuy nhiên, đến ngày 23/02/2004, do không có tiền để trả lại Công ty P1, Trần Vinh Q đã bỏ trốn.

Ngày 07/5/2004, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án số 204-01, Quyết định khởi tố bị can số 581-50 đối với Trần Vinh Q về tội “Tham ô tài sản” theo Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; đồng thời ra Quyết định truy nã số 581-60 đối với Trần Vinh Q. Ngày 06/9/2004, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Trần Vinh Q.

Ngày 23/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã tiến hành bắt giữ người đang bị truy nã đối với Trần Vinh Q. Ngày 31/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án đối với bị can, Quyết định phục hồi điều tra bị can. Ngày 30/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã kết luận điều tra, đề nghị truy tố đối với Trần Vinh Q.

**** Kết quả xác minh***

(1) Công ty P1 (tên giao dịch là P), là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định thành lập doanh nghiệp số 217/QĐ-UB ngày 11/12/1992 của UBND Thành phố H. Công ty P1 có trụ sở tại 277 A3, L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với vốn kinh doanh là 4.263.000.000 đồng do ngân sách Nhà nước cấp.

(2) Theo Kết luận thanh tra tại Công ty P1 số 21/KL-TTTr ngày 12/03/2004 của P1:

Năm 2002 - 2003, Công ty P1 không còn hoạt động kinh doanh. Thu nhập của công ty C từ việc cho thuê lại các mặt bằng mà công ty thuê của các doanh nghiệp Nhà nước khác. Công ty đang tiến hành lập hồ sơ xin phá sản, tuy nhiên, Giám đốc không tích cực tiến hành các thủ tục theo yêu cầu, chậm thực hiện các báo cáo về tài chính. Công ty đã có những vi phạm về nguyên tắc kế toán, đặc biệt là việc quản lý, sử dụng quỹ tiền mặt tùy tiện đã dẫn đến khả năng thiệt hại về tài sản trong khi Công ty chưa được mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản.

Công ty không xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản theo Thông tư số 75-TC/TCDN ngày 12/11/1996 của Bộ T1. Hàng tháng, Kế toán trưởng không kiểm kê quỹ công ty. Kết quả kiểm kê quỹ tiền mặt ngày 10/02/2004, tiền mặt thực tế thiếu so với sổ sách là 432.145.240 đồng. Cụ thể:

+ Số tiền 7.145.240 đồng, Trần Hữu H1 tự ý rút ra sử dụng vào mục đích cá nhân.

+ Số tiền 425.000.000 đồng, Trần Hữu H1 tạm ứng cho Giám đốc là Trần Vinh Q không có chứng từ, không ghi chép sổ theo dõi.

Theo kiến nghị của Đoàn Thanh tra, Trần Hữu H1 đã hoàn trả số tiền trên theo Phiếu thu số 21 ngày 25/02/2004 của công ty. Riêng Trần Vinh Q, do có dấu hiệu bỏ trốn nên ngày 26/02/2004, P1 chuyển vụ việc sang Cơ quan điều tra thụ lý theo thẩm quyền.

**** Kết quả lấy lời khai bị can và những người có liên quan đến vụ án:***

(1) Bị can Trần Vinh Q khai:

Trần Vinh Q thừa nhận đã yêu cầu thủ quỹ Trần Hữu H1 giao 425.000.000 đồng tiền quỹ của Công ty P1 cho Q. Số tiền trên Q sử dụng vào mục đích cá nhân.

(2) Trần Hữu H1, nguyên thủ quỹ Công ty P1 khai:

Trần Hữu H1 thừa nhận hành vi sai phạm trong việc tạm ứng tiền quỹ của công ty không lập phiếu chi và không thể hiện trong sổ quỹ tiền mặt. Mặc dù Q không ký thủ tục xuất chi theo quy định nhưng H1 vẫn tạm ứng tiền quỹ của công ty số tiền 425.000.000 đồng giao cho Q, để từ đó tạo điều kiện cho Trần Vinh Q tham ô số tiền 425.000.000 đồng của công ty P1.

(3) Bà Nguyễn Thị N, nguyên Kế toán trưởng Công ty P1 khai:

Nguyễn Thị N làm việc tại Công ty P1 từ tháng 12/1985. Năm 1994, N được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng. Tháng 4/2003, công ty phải trả tiền thuê kho bãi, N trao đổi với Trần Hữu H1 biết được Trần Vinh Q, Giám đốc công ty đã mượn 425.000.000 đồng tiền quỹ của công ty sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 31/12/2003, N kiểm tra quỹ tiền mặt của công ty xác định Q vẫn chưa trả số tiền trên cho công ty, N ký xác nhận quỹ tiền mặt còn tồn là 490.441.262 đồng (trên thực tế chỉ tồn 65.441.262 đồng) và báo cáo với Vương Văn H2, Bí thư Chi bộ Công ty P1 nội dung sự việc để cùng H2 thuyết phục Quan trả lại tiền cho công ty. Tuy nhiên, Trần Vinh Q không trả lại số tiền trên và bỏ trốn.

Nguyễn Thị N nhận thức rõ sai phạm nêu trên của bản thân trong việc không kiểm tra tiền quỹ của công ty hàng tháng theo quy định, chỉ kiểm tra sổ sách, không kiểm tra tiền mặt tồn quỹ nên không phát hiện hành vi sai phạm của Trần Vinh Q và Trần Hữu H1.

(4) Ông Vương Văn H2, nguyên Bí thư Chi bộ Công ty P1 khai:

Vương Văn H2 làm việc cho Công ty P1 từ tháng 06/1994. Từ tháng 9/2001, Vương Văn H2 được bổ nhiệm là Bí thư Chi bộ Công ty P1; tháng 02/2004, H2 được bổ nhiệm là Phó giám đốc Công ty P1. Qua thông tin do thủ quỹ Trần Hữu H1, Kế toán trưởng Nguyễn Thị N cung cấp và kết luận của Đoàn Thanh tra Quận A, H2 được biết Trần Vinh Q mượn số tiền 425.000.000 đồng từ quỹ của công ty sử dụng vào mục đích cá nhân. Tháng 9/2003, H2 cùng Kế

toán trưởng Nguyễn Thị N đã yêu cầu Quan trả lại tiền cho công ty. Quan hứa đến tháng 12/2003 sẽ trả lại số tiền trên. Đến tháng 01/2004, Q vẫn chưa trả lại tiền cho công ty nên H2 làm báo cáo khẩn gửi đến P1 về việc quỹ tiền mặt của Công ty P1 có dấu hiệu sai phạm.

Vương Văn H2 nhận thức rõ hành vi sai phạm của bản thân trong việc không thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được giao, không yêu cầu các phòng ban báo cáo định kỳ hàng tháng, buông lỏng trong việc quản lý cán bộ, nhân viên dẫn đến không phát hiện hành vi sai phạm của Trần Vinh Q và Trần Hữu H1.

Vật chứng vụ án: Không

Phản dân sự:

Ngày 25/8/2023, Trần Lệ Q1 (con gái của Trần Vinh Q) đã nộp số tiền 425.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị can Trần Vinh Q.

Tại bản cáo trạng số 170/CT-VKSTPHCM-P3 ngày 12/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Vinh Quan về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với Trần Hữu H1: đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” theo điểm d, khoản 2, Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án hình sự sơ thẩm số 521/HSST ngày 06/4/2005).

Đối với Nguyễn Thị N, Vương Văn H2: Xét thấy sai phạm nêu trên của Nguyễn Thị N, Vương Văn H2 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, ngày 01/7/2004, Quận ủy Quận A đã có Quyết định thi hành kỷ luật số 10-QĐ/KT đối với Nguyễn Thị N bằng hình thức cảnh cáo và ngày 05/7/2004, Quận ủy Quận A đã có Quyết định thi hành kỷ luật số 454-QĐ/QU đối với Vương Văn H2 bằng hình thức khiển trách.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, o, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Vinh Q 04 (B) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến ngày 01/9/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/3/2025, bị cáo Trần Vinh Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Vinh Q thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tuổi đã cao (trên 75 tuổi), mắc nhiều bệnh hiểm nghèo cần điều trị thường xuyên như viêm phổi, suy tim, tăng huyết áp vô căn, viêm dạ dày, đái tháo đường, bệnh cơ tim do thiếu máu cục bộ, đồng thời xin xem xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng để cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Vinh Q – Luật sư Nguyễn Thanh L trình bày: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Về các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội là người từ đủ 70 tuổi trở lên (75 tuổi), bị cáo mắc nhiều bệnh hiểm nghèo (12 căn bệnh hiểm nghèo) và đặc biệt trong đó là bệnh lý hẹp mạch vành liên quan đến tim của bị cáo. Bác sĩ đã tích cực cấp cứu và điều trị kịp thời, có chỉ định đặt stent cho tim của bị cáo nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bị cáo không thể thực hiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ mức 2 năm 6 tháng tới 3 năm tù. Về kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, khi tham gia tố tụng bị cáo luôn chấp hành, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Q được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội bị cáo được chữa bệnh, ở bên người thân những năm cuối đời.

Bị cáo Trần Vinh Q trình bày: Thống nhất phần bào chữa của luật sư, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 04 năm tù. Mức án tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Bị cáo thuộc trường hợp trốn truy nã theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 nên không thể áp dụng cho bị cáo hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Vinh Q đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Tháng 3/2003, Trần Vinh Q là Giám đốc Công ty P1 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc P1, được thành lập theo Quyết định thành lập doanh nghiệp số 217/QĐ-UB ngày 11/12/1992 của UBND Thành phố H). Vì động cơ vụ lợi cho cá nhân, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chỉ đạo thủ quỹ công ty là Trần Hữu H1 giao tiền quỹ của công ty cho Q ba lần, tổng số tiền là 425.000.000 đồng, với lý do cần tiền mặt để làm thủ tục xin phá sản cho Công ty P1 nhưng lại sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau đó, Trần Hữu H1 nhiều lần đề nghị Trần Vinh Q trả lại số tiền trên nhưng đến ngày 23/02/2004, do không có tiền để trả lại Công ty P1, Trần Vinh Q đã bỏ trốn. Ngày 06/4/2005 Trần Hữu H1 đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”, Trần Vinh Q đã bỏ trốn đến ngày 23/8/2023 thì bị bắt.

[2.2] Hành vi của bị cáo Trần Vinh Q được thực hiện trong năm 2003 nên đã cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, đến ngày 12/3/2024 bị cáo mới bị truy tố để xét xử. Tại khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định mức hình phạt nhẹ hơn khoản 3 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với cùng hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét kháng cáo của bị cáo.

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu và hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh

vực quản lý tài sản nói chung, và quản lý tài chính, kinh tế của Công ty P1. Hơn nữa, sau khi bị khởi tố, bị cáo đã bỏ trốn đến 19 năm sau mới bị bắt giữ, gây nhiều khó khăn cho hoạt động điều tra, xử lý tội phạm nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo trên 70 tuổi theo quy định tại điểm b, o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 04 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là có lợi cho bị cáo, bởi lẽ bị cáo 03 lần yêu cầu H1 giao tiền quỹ của công ty, số tiền mỗi lần chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này đối với bị cáo là thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm một số tài liệu thể hiện bị cáo mắc nhiều bệnh nhưng tình tiết này không phải tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo.

Như phân tích trên, bị cáo bị xử phạt mức án 4 năm tù; hơn nữa, bị cáo đã bị cơ quan điều tra truy nã, nhưng sau đó không đầu thú mà bị cơ quan có thẩm quyền bắt giữ nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 1, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bị cáo.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Vinh Q, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Vinh Q là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Vinh Q. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

[1] **Căn cứ** điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, o, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Vinh Q 04 (B) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến ngày 01/9/2023.

[2] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Vinh Q được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCTVKSXXPT tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (2)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 05, 16b. (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh